



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	16 - 52
8. Phụ lục	53 - 56

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần beton 6 trình bày báo cáo của mình cùng với với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần beton 6 (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần beton 6 (tiền thân là Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới) là Doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700364079 (số cũ 460300013), đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	329.935.500.000 VND	
Trong đó		
Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Phần vốn Nhà nước (Bộ Tài chính)	19.569.030.000	5,93
Các cổ đông khác	310.366.470.000	94,07
Cộng	329.935.500.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 4 năm 2012 với mã chứng khoán là BT6.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
 Điện thoại : (0650)3571617 - 3750650
 Fax : (0650)3751638
 E-mail : info@beton6.com
 Mã số thuế : 3700364079

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
 Điện thoại : (08) 39119696
 Fax : (08) 39119292

Chi nhánh Công ty cổ phần Beton 6

Địa chỉ : Lô C.01& C.02, Khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Củ Chi, tỉnh Long An, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, vòm...);
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thường, bê tông tươi và bê tông siêu cường (chỉ hoạt động khi đáp ứng các quy định pháp luật về vận tải)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ); Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế máy móc và thiết bị (trừ phương tiện vận tải);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất; Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu; Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần bê tông ly tẩm 620	Km 1877, Quốc lộ 1K, ấp Châu Thới, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Số 3700669521 ngày 22 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	99,85%
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	45B/12, Quốc lộ 1K, ấp Nội Hòa 2, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Số 3701469571 ngày 10 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	60,00%
Công ty cổ phần Bestcon	Tầng 14, tòa nhà Salling tower, 111 Pasteur, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Số 0312210690 ngày 29 tháng 3 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	74,00%

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	Khu kinh tế Dung Quất xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư	40,00%
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	Ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất	20,83%
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	107/C đường tỉnh 884, ấp 1, xã Sơn Đông, tỉnh Bến Tre	Sản xuất	45,00%
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	46 đường 14, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hàng hóa	30,00%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Sản xuất	39,94%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk	02 đường Trịnh Văn Cửu, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đầu tư	49,93%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	Ấp 4, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Sản xuất	39,94%
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại	49,00%
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Xây lắp, Dịch vụ	24,00%

HỢC
C
RÁCH
LIÊN T
V BÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

BAO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần beton 6 đã hủy việc phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2014 với số tiền là 16.496.775.000 VND.

Doanh thu năm 2014 giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoài chủ yếu là do khối lượng thi công công trình giảm.

Trong năm, Công ty cổ phần beton 6 đã đầu tư vào Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai với giá trị đầu tư là 44.218.720.000 VND theo hình thức thanh toán bằng toàn bộ số cổ phần của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico mà Công ty cổ phần Beton 6 đang sở hữu. Ngoài ra, Công ty cổ phần Beton 6 cũng đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình trong Công ty TNHH BOT Rạch Miễu với giá chuyển nhượng là 38.985.330.750 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 52).

Trong năm, Công ty cổ phần beton 6 đã trích quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 6 năm 2014 với số tiền là 553.101.504 VND (05% lợi nhuận sau thuế).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần beton 6 khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Beton 6 trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Hậu	Chủ tịch	20 tháng 4 năm 2012	20 tháng 6 năm 2014
Ông Trịnh Ngọc Hiến	Chủ tịch	20 tháng 6 năm 2014	01 tháng 01 năm 2015
Ông Trần Văn Cầu	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2015	-
	Ủy viên	20 tháng 6 năm 2014	01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Chủ tịch	01 tháng 01 năm 2015	-
	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2015	-
Ông Trịnh Thanh Huy	Ủy viên	30 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hưng Quốc	Ủy viên	20 tháng 6 năm 2014	-
Ông Hà Đức Bình	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2009	20 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Nam Thắng	Ủy viên	07 tháng 4 năm 2010	01 tháng 9 năm 2014
Ông Hà Thanh Mẫn	Ủy viên	12 tháng 4 năm 2013	01 tháng 01 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Minh Triết	Trưởng ban	16 tháng 4 năm 2010	20 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Đua	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2010	20 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Thanh Dũng	Trưởng ban	20 tháng 6 năm 2014	-
	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2010	-
Ông Bùi Đăng Bảo	Ủy viên	20 tháng 6 năm 2014	-

449

NG
HIỆM
ÀN V
&

T.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hà Thanh Mẫn	Tổng Giám đốc	25 tháng 12 năm 2012	01 tháng 9 năm 2014
Ông Trịnh Ngọc Hiền	Tổng Giám đốc	01 tháng 9 năm 2014	01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2015	-
Ông Hà Thanh Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 9 năm 2014	01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 9 năm 2014	01 tháng 01 năm 2015
Ông Trần Khắc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	01 tháng 9 năm 2014
Ông Phạm Đình Nhật Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	01 tháng 9 năm 2014
Ông Trương Chí Nhân	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 8 năm 2010	15 tháng 9 năm 2014
Ông Lâm Chí Trung	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 01 năm 2014	15 tháng 9 năm 2014
Ông Trần Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 01 năm 2014	15 tháng 9 năm 2014
Ông Nguyễn Hưng Quốc	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 9 năm 2014	01 tháng 01 năm 2015

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty cổ phần beton 6 sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần beton 6 đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TS. C.
TY
JHA
TJVÁ
C
JCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Trần Văn Cầu
Chủ tịch

Ngày 13 tháng 4 năm 2015





Số: 0526/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÍ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần bê tông 6 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần bê tông 6 và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) (Danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số 1.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2015, từ trang 09 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông 6 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi nhận thấy chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Gói 2, Gói 3 thuộc công trình Đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây là 137.508.066.408 VND (xem thuyết minh số V.7) đang được Công ty cổ phần Bê tông 6 tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để nghiệm thu bổ sung khối lượng đã thực hiện tương ứng với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang để phát sinh. Tuy nhiên vào thời điểm hiện tại, Chúng tôi chưa có đầy đủ bằng chứng để đánh giá khả năng chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai của khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang này.

10 * MS *

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu lại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 9099-2013-008-1

Huỳnh Hà Như Ngọc - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2108-2013-005-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2015

TRÁI KIỂM
Y BÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1 877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.223.744.188.050	1.179.772.748.736
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	34.134.686.960	27.340.692.105
1. Tiền		111		33.074.449.744	27.140.454.889
2. Các khoản tương đương tiền		112		1.060.237.216	200.237.216
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		56.309.000.000	53.309.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	56.309.000.000	53.309.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu		130		774.709.084.987	745.837.177.781
1. Phải thu của khách hàng		131	V.3	602.524.666.501	625.557.834.269
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	40.957.558.624	34.767.525.688
3. Phải thu nội bộ		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		138	V.5	159.978.411.936	114.149.336.560
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		139	V.6	(28.751.552.074)	(29.637.518.736)
IV. Hàng tồn kho		140		324.217.506.103	325.440.823.880
1. Hàng tồn kho		141	V.7	331.258.465.945	332.481.763.722
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	(7.040.939.842)	(7.040.939.842)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		34.373.910.000	27.845.054.970
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		-	160.720.499
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		368.778.555	130.894.290
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.25	39.842.923	53.730.539
4. Giấc dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.9	33.965.288.522	27.499.709.642

100
 110
 111
 112
 120
 121
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 138
 139
 140
 141
 149
 150
 151
 152
 154
 157
 158

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		401.573.718.047	416.298.912.748
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		84.554.062.445	175.922.826.964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	46.157.000.337	65.268.732.256
<i>Nguyên giá</i>	222		236.813.503.064	253.340.031.311
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(190.656.502.727)	(168.071.299.055)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	57.086.582.394
<i>Nguyên giá</i>	228		-	74.592.012.681
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	(17.505.430.287)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	38.397.062.108	53.567.512.314
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	3.331.178.400	3.331.178.400
<i>Nguyên giá</i>	241		3.331.178.400	3.331.178.400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		162.862.236.593	70.818.239.725
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	153.941.366.516	34.480.980.792
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	24.656.510.000	61.030.478.268
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(15.735.639.923)	(24.693.219.335)
V. Tài sản dài hạn khác	260		140.541.839.061	146.138.435.997
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	136.809.660.309	141.367.480.158
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	3.503.978.752	3.493.221.211
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	228.200.000	1.277.734.628
VI. Lợi thế thương mại	269	V.21	10.284.401.548	20.088.231.662
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.625.317.906.097	1.596.071.661.484

188
37
181
147
104
C

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 (tháng 12 năm) 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.119.078.480.931	1.122.799.598.331
I. Nợ ngắn hạn	310		1.117.609.686.956	1.117.223.990.259
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	658.650.038.341	630.322.670.846
2. Phải trả người bán	312	V.23	306.287.734.904	283.775.078.277
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	89.637.018.922	86.517.820.406
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	3.974.006.090	23.485.773.999
5. Phải trả người lao động	315	V.26	6.718.907.216	15.301.792.523
6. Chi phí phải trả	316	V.27	29.358.673.082	38.816.764.880
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	17.786.988.267	27.768.994.902
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	5.156.320.134	11.235.094.428
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.468.793.975	5.575.608.072
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	1.066.644.115	5.575.608.072
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		402.149.860	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		507.711.761.452	441.301.579.578
I. Vốn chủ sở hữu	410		507.711.761.452	441.301.579.578
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	329.935.500.000	329.935.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	72.944.040.456	72.390.938.962
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	291.588.227	291.588.227
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	104.540.632.759	38.683.552.389
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.32	(1.472.336.286)	31.970.483.575
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.625.317.906.097	1.596.071.661.484



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8.816.109.801	8.697.144.067
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.069,72	762,06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu



Hồ Thị Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	779.870.403.047	1.073.650.602.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	779.870.403.047	1.073.650.602.298
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	679.082.178.905	926.290.456.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.788.224.142	147.360.145.684
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	32.015.697.024	10.140.830.599
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	54.467.406.861	77.087.506.333
Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.248.724.774	74.790.613.823
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.547.796.020	6.730.813.899
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	50.655.870.941	67.534.334.343
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.132.847.344	6.148.321.708
11. Thu nhập khác	31	VI.7	33.921.387.313	13.378.793.563
12. Chi phí khác	32	VI.8	8.192.640.786	4.985.912.429
13. Lợi nhuận khác	40		25.728.746.527	8.392.881.134
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	1.502.970.800	(1.225.393.454)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.364.564.671	13.315.809.388
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	2.228.429.762	8.136.265.575
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(10.757.541)	(1.515.414.174)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>48.146.892.450</u>	<u>6.694.957.987</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1.766.514.424)	(3.424.829.609)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		49.913.406.874	10.119.787.596
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.513</u>	<u>307</u>

Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.364.564.671	13.315.809.388
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11, V.21	19.399.762.845	26.839.474.876
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.17	(9.426.586.224)	(365.611.513)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(208.828)	(4.527.743)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7; VI.9	(63.276.201.316)	(4.319.316.573)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	63.248.724.774	74.793.613.823
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60.360.055.922	110.256.742.258
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(78.028.688.842)	(133.736.175.652)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.975.748.521)	48.750.050.505
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		40.970.853.061	(102.982.425.033)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(934.753.392)	3.632.141.673
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27, VI.4	(63.099.205.171)	(74.811.139.379)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(8.931.781.120)	(18.919.841.944)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.208.664.604	4.537.954.372
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.488.803.229)	(15.923.341.517)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(68.919.406.698)	(149.196.034.817)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12	(3.323.461.484)	(7.956.345.356)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	797.772.727	272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(3.003.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(60.000.001.520)	(5.785.622.600)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		93.149.535.082	44.554.324.536
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.653.616.380	4.569.803.476
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		46.277.461.185	35.654.887.329

10448
ÔNG
YHIEM
XANH VU
&
TPH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1 877 quốc lộ 1K, Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm này	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22,V.30	773.974.568.550	886.249.861.510
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22,V.30	(744.538.937.010)	(802.377.499.832)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(16.510.847.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.435.731.540	67.361.514.490
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.793.786.027	(46.179.632.998)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.340.692.105	73.515.797.360
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		238.828	4.527.743
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	34.134.686.960	27.340.692.105


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Người lập biểu


 Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Kế toán trưởng


 Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015

 Nguyễn Ngọc Dũng
 Tổng Giám đốc

15.
 TY
 004
 TUV
 3
 CH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần bê tông 6 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần bê tông 6 (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình.
- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	Km 1877, Quốc lộ 1K, ấp Châu Thới, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	99,85%	99,85%
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	45B/12, Quốc lộ 1K, ấp Nội Hóa 2, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	60,00%	60,00%
Công ty cổ phần Besteon	Tầng 14, tòa nhà sailing tower, 111 Pasteur, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	74,00%	74,00%

6. Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	Khu kinh tế Dung Quất - xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	Ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	20,83%	20,83%
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	24,27%	24,27%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Danh sách công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	107/C đường tỉnh 884, ấp 1, xã Sơn Đông, tỉnh Bến Tre	Đang trong quá trình giải thể
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thời	46 đường 14, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Dự kiến thanh lý
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk	02 đường Trịnh Văn Căn, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	Ấp 4, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Dự kiến thanh lý

Hiện tại Tập đoàn dự kiến thanh lý các khoản đầu tư này. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, toàn bộ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết này đã lập dự phòng (xem thuyết minh số V.17).

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 761 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 871 nhân viên).

9. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty cổ phần beton 6 đã hủy việc phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2014 với số tiền là 16.496.775.000 VND.

Doanh thu năm 2014 giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do khối lượng thi công công trình giảm.

Trong năm, Công ty cổ phần beton 6 đã đầu tư vào Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai với giá trị đầu tư là 44.218.720.000 VND theo hình thức thanh toán bằng toàn bộ số cổ phần của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico mà Công ty đang sở hữu. Ngoài ra, Công ty cũng đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình trong Công ty TNHH BOT Rạch Miễu với giá chuyển nhượng là 38.985.330.750 VND.



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần beton 6 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không từ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hoạt động sản xuất, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hoạt động xây dựng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính hữu hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 15

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chặc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn (thời gian sử dụng đất lâu dài) nên không tính khấu hao.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, sau lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 08 đến 20 năm.

Quyền khai thác mỏ đá

Quyền khai thác mỏ đá phát sinh do đánh giá lại giá trị tài sản thuần tại ngày mua của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico. Quyền khai thác mỏ đá được khấu hao trong 226 tháng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó đang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân giá quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân giá quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí bốc tăng phí

Chi phí này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm: Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nội trộn bê tông, chi phí trang trí nội thất. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 05 năm.

Chi phí tư vấn lập dự án

Chi phí tư vấn lập dự án Đường trên cao số 1. Chi phí này sẽ được phân bổ khi Tập đoàn tham gia đấu thầu công trình.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép

Chi phí chuyển giao công nghệ Bê tông cốt thép theo hợp đồng chuyển giao. Chi phí này sẽ được phân bổ khi Tập đoàn tham gia đấu thầu công trình.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được phân bổ với thời gian không quá 03 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Mục đích	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Tập đoàn	10% vốn điều lệ
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	

Mức trích lập của các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 (tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.363 VND/USD

31/12/2013 : 21.083 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

15.0
TY
QUH
TUV
C
504

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

26. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.269.584.705	8.128.338.634
Tiền gửi ngân hàng	31.804.865.039	19.012.116.255
Các khoản tương đương tiền (*)	1.060.237.216	200.237.216
Cộng	<u>34.134.686.960</u>	<u>27.340.692.105</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

Tiền gửi ngân hàng có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 21.214.208.654 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.22).

Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Phú Lâm có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.633.049.352 VND chỉ có thể giao dịch cho các nghiệp vụ liên quan đến Công trình Cầu Ông Bưởi.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác		
- Cho Công ty TNHH một thành viên 3D Long Hậu vay với lãi suất 12%/năm	53.309.000.000	53.309.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng ⁹⁾	3.000.000.000	-
Cộng	<u>56.309.000.000</u>	<u>53.309.000.000</u>

⁹⁾ Tiền gửi ngân hàng có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.22).

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động xây lắp	316.050.556.600	369.120.628.238
Sản phẩm bê tông	205.304.567.234	200.303.352.079
Sản phẩm đá	-	11.055.350.045
Hoạt động thương mại	81.169.542.667	46.078.503.907
Cộng	<u>602.524.666.501</u>	<u>626.557.834.269</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà thầu thi công	3.758.862.762	3.561.260.338
Nhà cung cấp vật tư, phụ tùng	35.363.803.512	14.951.440.074
Các nhà cung cấp khác	1.834.892.350	16.254.825.276
Cộng	<u>40.957.558.624</u>	<u>34.767.525.688</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư Công ty cổ phần cảng Bình Minh)	-	1.833.596.864
Công ty cổ phần cảng Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư)	1.611.920.316	1.711.920.316
Cổ tức phải thu	8.202.082.038	9.934.887.970
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (vay hộ)	2.109.460.846	2.109.460.846
Lãi phải thu Công ty cổ phần đá Hoa Tân An	-	510.448.320
Lãi dự thu tiền cho vay	23.203.225.181	16.717.296.848
Chuyển nhượng vốn phải thu	58.780.060.000	75.909.764.218
Công ty cổ phần 620 Châu Thới - Tạm ứng công trình cầu Mỹ Lợi	-	1.242.933.138
Công ty cổ phần 620 Long An - Tạm ứng công trình cầu Mỹ Lợi	910.873.243	910.873.243
Tiền cho mượn	9.094.662.450	2.314.614.396
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	134.759.334	-
Các khoản khác	55.931.428.528	953.540.401
Cộng	<u>159.978.411.936</u>	<u>114.149.336.560</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	789.250.000	3.665.445.192
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	27.962.302.071	25.972.073.544
Cộng	<u>28.751.552.071</u>	<u>29.637.518.736</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	29.637.518.736	27.283.494.036
Trích lập dự phòng bổ sung	-	2.354.024.700
Hoàn nhập	(469.006.812)	-
Xử lý nợ	(142.661.734)	-
Giảm do thanh lý công ty con	(274.298.116)	-
Số cuối năm	<u>28.751.552.071</u>	<u>29.637.518.736</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	16.323.258.381	20.944.388.712
Công cụ, dụng cụ	746.795.622	841.687.635
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	242.273.507.744	204.840.084.981
Thành phẩm	68.229.164.814	98.151.109.171
Hàng hóa	1.282.555.402	5.301.329.241
Hàng gửi đi bán	2.403.163.982	2.403.163.982
Cộng	<u>331.258.445.945</u>	<u>332.481.763.722</u>

(*) Trong đó, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Gói 2 và Gói 3 thuộc công trình Đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây với số tiền là 137.508.066.408 VND đang được Công ty cổ phần Beton 6 tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để nghiệm thu bổ sung khối lượng đã thực hiện tương ứng với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đã phát sinh.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.322.969.654	2.322.969.654
Thành phẩm	4.717.970.188	4.717.970.188
Cộng	<u>7.040.939.842</u>	<u>7.040.939.842</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	29.928.561.786	22.407.088.509
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	4.036.726.736	5.092.621.133
Cộng	<u>33.965.288.522</u>	<u>27.499.709.642</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	36.096.530.725	107.789.761.421	83.805.440.959	3.610.038.857	22.037.859.349	253.340.031.311
Mua sắm trong năm	-	2.575.619.000	-	38.000.000	-	2.613.619.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(302.857.143)	(2.295.390.213)	-	(281.498.254)	(2.879.745.650)
Giảm do thoái vốn công ty con	(8.718.992.318)	(3.538.214.229)	(1.358.020.324)	(267.922.275)	(2.347.252.420)	(16.260.401.597)
Số cuối năm	27.347.938.377	106.524.309.049	80.152.030.422	3.380.116.581	19.409.108.635	236.813.503.064
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.703.405.763	54.677.938.259	51.167.597.234	2.275.351.296	5.358.204.660	124.222.497.212
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	18.635.893.057	79.018.485.601	71.247.144.251	2.991.822.455	16.177.953.681	188.071.299.055
Khấu hao trong năm	1.916.011.053	8.406.329.255	4.016.325.855	320.153.047	1.373.692.010	16.032.511.220
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi	96.957.252	-	-	-	-	96.957.252
Thanh lý, nhượng bán	-	(302.857.143)	(2.295.390.213)	-	(108.967.081)	(2.707.214.437)
Giảm do thoái vốn công ty con	(4.875.384.622)	(2.458.339.934)	(1.460.329.333)	(120.160.841)	(1.922.815.633)	(10.837.050.363)
Số cuối năm	15.773.476.750	84.663.597.779	71.507.750.560	3.191.814.661	15.519.862.977	190.656.502.727
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.461.037.658	28.771.275.820	12.558.296.708	618.216.402	5.859.905.658	65.268.732.256
Số cuối năm	11.574.461.627	21.860.711.370	8.644.279.862	188.301.920	3.889.245.658	46.157.000.337
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình là 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai IID270, 2 xe cần cẩu bánh xích, 1 xe đào bánh xích và hệ thống xử lý nước thải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.527.783.089 VND và 6.945.824.567 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ đá	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	44.352.686.044	30.239.326.637	74.592.012.681
Giảm do thoái vốn công ty con	(44.352.686.044)	(30.239.326.637)	(74.592.012.681)
Số cuối năm	-	-	-
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	10.681.511.448	6.823.918.839	17.505.430.287
Khấu hao trong năm	482.428.584	401.406.991	883.835.575
Giảm do thoái vốn công ty con	(11.163.940.032)	(7.225.325.830)	(18.389.265.862)
Số cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị còn lại	Quyền	Quyền	Cộng
	sử dụng đất	khai thác mỏ đá	
Số đầu năm	33.671.174.596	23.415.407.798	57.086.582.394
Số cuối năm	-	-	-
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Giảm do thoái vốn công ty con	Số cuối năm
	Mua sắm tài sản cố định	2.928.287.282	2.460.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang	50.639.225.032	707.442.484	(15.880.292.690)	35.466.374.826
Công trình mỏ đá Thường Tân	12.307.639.000	160.196.711	(12.467.826.711)	-
Công trình mỏ sét Bảo lộc Lâm Đồng	2.690.122.343	140.000.000	(2.830.122.343)	-
Công trình nhà xưởng nhà máy cao lanh	559.363.636	-	(559.363.636)	-
Công trình mở rộng bãi đá	8.586.545.434	-	-	8.586.545.434
Công trình Nhà máy Beton6 Long Hậu - tại Khu Công nghiệp Long Hậu, Long An	26.472.583.619	-	-	26.472.583.619
Dự án nhà ở Châu Việt		407.245.773	-	407.245.773
Các hạng mục khác	22.980.000	-	(22.980.000)	-
Cộng	53.567.512.314	709.842.484	(15.880.292.690)	38.397.062.108

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng lâu dài liên quan đến Lô Bp-46 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm cuối năm: tài chính, Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

Quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh.

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu ⁽¹⁾	Kiểm định vật liệu xây dựng, kiểm định công trình	1.150.000.000	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 ⁽²⁾	Sản xuất sản phẩm bê tông	33.000.000.000	99,85%	99,85%	99,85%	99,85%
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico ⁽³⁾	Khai thác chế biến khoáng sản	52.503.000.000	-	57,57%	-	57,57%
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6 ⁽⁴⁾	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	20.000.000.000	-	51,00%	-	51,00%
Công ty cổ phần Bestcon ⁽⁵⁾	Xây dựng công trình	20.000.000.000	74,00%	74,00%	74,00%	74,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (đ) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701469571 ngày 10 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần Beton 6 đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu với số tiền 690.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ.
- (e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700669521 ngày 22 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần Beton 6 đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 với số tiền 59.370.538.009 VND, tương đương 99,85% vốn điều lệ.
- (g) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần 02/HĐCNCP – BT6 ngày 01 tháng 4 năm 2014 giữa Công ty cổ phần Beton 6 và Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai, Công ty cổ phần Beton 6 sẽ dùng toàn bộ số cổ phần mà Công ty cổ phần Beton 6 đang sở hữu tại Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico để thanh toán cho khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai (xem thuyết minh V.15). Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu cổ phần là ngày ký hợp đồng.
- (iv) Theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 01 tháng 7 năm 2014 giữa Công ty cổ phần Beton 6 và Ông Huỳnh Quang Nghĩa với giá chuyển nhượng là 500.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312210690 ngày 29 tháng 3 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Beton 6 vào Công ty cổ phần Bestcon là 14.800.000.000 VND, tương đương 74% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty cổ phần Beton 6 đã đầu tư 4.500.000.000 VND, tương đương 19,5% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Bestcon là 10.300.000.000 VND.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu theo Giấy phép	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu theo Giấy phép	Giá trị
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới ^(a)	Sản xuất sản phẩm bê tông	20,83%	15.854.067.700	20,83%	15.910.543.988
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre ^(a)	Xây dựng	45,00%	815.200.000	45,00%	815.200.000
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới ^(a)	Đầu tư xây dựng	30,00%	300.000.000	30,00%	300.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam ^(a)	Sản xuất sản phẩm bê tông, vật liệu xây dựng	40,00%	3.400.000.000	40,00%	3.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang ^(a)	Sản xuất sản phẩm bê tông	40,00%	1.000.000.000	40,00%	1.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk ^(a)	Đầu tư trồng rừng	50,00%	6.620.000.000	50,00%	6.620.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi ^(a)	Đầu tư	40,00%	2.786.037.567	40,00%	960.351.074
Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung ^(a)	Xây dựng	31,00%	-	31,00%	5.474.884.830
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai ^(a)	Thương mại	49,00%	43.914.258.374	-	-
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp ^(a)	Xây lắp	24,27%	79.251.802.875	-	-
Cộng			153.941.366.516		34.480.980.792

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500419552 ngày 27 tháng 5 năm 2004, thay đổi lần 05 ngày 27 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty cổ phần Beton 6 đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới 12.500.000.000 VND, tương đương 20,83% vốn điều lệ.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5503000012 ngày 26 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty cổ phần Beton 6 đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre 815.200.000 VND, tương đương 45,00% vốn điều lệ.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4102041657 ngày 02 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty cổ phần Beton 6 đầu tư vào Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới 300.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5003000225 ngày 20 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam 4.000.000.000 VND, tương đương 40,00% vốn điều lệ. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đã đầu tư 3.400.000.000 VND, tương đương 34% vốn điều lệ.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 642031000001 ngày 28 tháng 4 năm 2008 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang 12.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đã đầu tư 1.000.000.000 VND, tương đương 3,33% vốn điều lệ. Vào ngày 12 tháng 7 năm 2010, Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang đã giải thể theo Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang số 53/QĐ. BQL - QLĐT.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4003000185 ngày 13 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk 9.000.000.000 VND, tương đương 50,00% vốn điều lệ. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đã đầu tư 6.620.000.000 VND, tương đương 36,77% vốn điều lệ.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300369010 ngày 30 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, Công ty cổ phần beton 6 nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi.
- (6) Theo Hợp đồng chuyển nhượng 01/HĐCNCP - BT 6 Miền Trung giữa Công ty cổ phần Beton 6 và Ông Trịnh Thanh Huy với giá chuyển nhượng bằng giá trị sổ sách.
- (6) Theo Nghị quyết số 191/NQ-HĐQT-BT6 của Hội đồng quản trị ngày 21 tháng 4 năm 2014, Công ty cổ phần Beton 6 góp 75.915.239.677 VND vào Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai chiếm 84,35% vốn điều lệ theo hình thức thanh toán bằng toàn bộ số cổ phần của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần Beton 6 theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần 02/HĐCNCP - BT6 ngày 01 tháng 4 năm 2014. Sau đó, theo hợp đồng chuyển nhượng số 05/HĐCNCP-BT6 ngày 04 tháng 6 năm 2014, Công ty cổ phần Beton 6 đã chuyển nhượng lại một phần số cổ phần của Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai mà Công ty góp vốn cho Công ty cổ phần đầu tư VBA với giá chuyển nhượng là 31.700.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai 44.218.720.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

100%
C
PÁCH
IÊN T
A
ĐINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (x) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 212/BBH-HDQT-BT6 ngày 13 tháng 11 năm 2014 và Biên bản thỏa thuận cam kết mua cổ phần ngày 24 tháng 11 năm 2014, Công ty mua 5.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp với giá 10.000 VND/cổ phiếu. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp 50.000.000.000 VND, tương đương 24,27% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm trang 53.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		7.996.510.000		7.996.510.000
- Công ty cổ phần Cảng Vĩnh Long	300.000	3.060.000.000	300.000	3.060.000.000
- Công ty cổ phần trang trí đá Vĩnh Cửu	60.000	2.040.000.000	60.000	2.040.000.000
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	150.000	2.050.000.000	150.000	2.050.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	89.925	846.510.000	89.925	846.510.000
Đầu tư vào đơn vị khác		16.660.000.000		53.033.968.268
- Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
- Công ty cổ phần BOT cầu Phú Mỹ	1.516.000	15.160.000.000	1.516.000	15.160.000.000
- Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu ⁽⁹⁾	-	-	-	39.373.968.268
- Công ty cổ phần đá Hoa Tân An ⁽⁶⁾	-	-	700.000	7.000.000.000
Cộng		24.656.510.000		61.030.478.268

- (9) Công ty cổ phần Beton 6 đã thanh lý toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH TNHH BOT cầu Rạch Miễu cho Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng là 38.985.330.750 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 14 tháng 3 năm 2014.

- (6) Giám đốc Công ty cổ phần Beton 6 thoái vốn Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết do không lập theo phương pháp vốn chủ sở hữu	12.135.200.000	12.135.200.000
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	3.600.439.923	12.558.019.335
Cộng	15.735.639.923	24.693.219.335

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.693.219.335	54.662.855.548
Hoàn nhập	(8.957.579.412)	(2.719.636.213)
Thanh lý	-	(27.250.000.000)
Số cuối năm	15.735.639.923	24.693.219.335

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Giảm do thoái vốn công ty con	Số cuối năm
Chi phí bóc tăng phủ	5.792.053.405	-	(191.332.650)	(5.600.720.755)	-
Chi phí sửa chữa	4.066.108.273	136.371.000	(2.501.668.101)	-	1.700.811.172
Chi phí tư vấn lập dự án	1.650.000.000	-	-	-	1.650.000.000
Tiền thuê đất ⁽¹⁾	129.045.150.000	-	-	-	129.045.150.000
Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép	-	4.207.200.000	-	-	4.207.200.000
Công cụ, dụng cụ	619.497.473	-	(412.998.336)	-	206.499.137
Chi phí trả trước dài hạn khác	194.671.007	-	(159.616.349)	(35.054.658)	-
Cộng	141.367.480.158	4.343.571.000	(3.265.615.436)	(5.635.775.413)	136.809.660.309

⁽¹⁾ Tiền thuê đất của Khu Công nghiệp Long Hậu sẽ được phân bổ từ khi công trình hoàn thành cho thời gian thuê còn lại. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh.

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

20. Tài sản dài hạn khác

Khoản đặt cọc thuê văn phòng, container.

21. Lợi thế thương mại

Chi phí

Số đầu năm	34.382.526.644
Giảm do thoái vốn công ty con	(12.731.154.922)
Số cuối năm	21.651.371.722

Số đã phân bổ

Số đầu năm	14.294.294.982
Phân bổ trong năm	2.483.416.050
Số cuối năm	16.777.711.032

Giảm do thoái vốn công ty con

(5.410.740.858)

Số còn phải phân bổ

Số đầu năm	20.088.231.662
Số cuối năm	10.284.401.548

22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	652.831.880.689	624.153.140.532
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam⁽¹⁾</i>	92.329.276.290	65.471.463.507
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn⁽²⁾</i>	103.668.938.477	103.052.065.644
<i>Ngân hàng TNHH Indovina⁽³⁾</i>	157.693.304.059	165.713.337.957

15
TY
HƯ
T/V
C
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định^(iv)</i>	44.450.932.950	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP Hồ Chí Minh^(v)</i>	145.295.072.628	202.540.697.081
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh^(vi)</i>	109.394.356.285	83.528.776.343
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i>	-	3.846.800.000
Vay ngắn hạn tổ chức và các cá nhân ^(vii)	3.800.000.000	2.310.528.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.30)	<u>2.058.157.652</u>	<u>3.859.002.312</u>
Cộng	<u>658.690.038.341</u>	<u>630.322.670.844</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty cổ phần Beton 6 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNIH Indovina để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp, có thể chấp bổ sung quyền sử dụng đất.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- (vii) Khoản vay Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Descon của Công ty cổ phần Bestcon để bổ sung vốn lưu động, có thời hạn vay từ 1 - 3 tháng với lãi suất vay cố định 12%/năm và khoản vay ngắn hạn của bà Lê Anh Xuân nghiệp để bổ sung vốn lưu động, có thời hạn vay từ 1 - 3 tháng với lãi suất vay cố định 13%/năm. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số tiền vay phát sinh trong năm		Số kết chuyển	Giảm do thanh vốn công ty con		Số cuối năm
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm		Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	624.153.140.532	743.388.785.130	-	(711.443.244.973)	(3.266.800.000)	652.831.890.689
Vay ngắn hạn tổ chức và các cá nhân	2.310.528.000	30.100.000.000	-	(26.300.000.000)	(2.310.528.000)	3.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>3.859.032.312</u>	-	<u>2.109.847.377</u>	<u>(3.910.692.037)</u>	-	<u>2.058.157.652</u>
Cộng	<u>630.322.670.844</u>	<u>773.488.785.130</u>	<u>2.109.847.377</u>	<u>(741.653.937.010)</u>	<u>(5.577.328.000)</u>	<u>658.690.038.341</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp cáp	16.398.807.305	12.748.237.711
Nhà cung cấp cát	7.114.229.503	11.339.098.268
Nhà cung cấp đá	2.636.401.779	3.392.590.543
Nhà cung cấp sắt	78.844.882.709	53.297.752.049
Nhà cung cấp phụ gia	7.381.580.266	7.466.486.402
Nhà cung cấp xi măng	23.335.598.110	16.849.049.561
Nhà cung cấp vật tư, phụ tùng, gia công đá	-	15.765.599.845
Công ty cổ phần Long Hậu	89.412.552.246	89.412.552.246
Nhà cung cấp khác	81.163.682.986	73.503.711.652
Cộng	<u>306.287.734.904</u>	<u>283.775.078.277</u>

24. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	83.772.095.596	71.430.676.943
Các khoản trả trước mua hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ	5.864.923.326	15.087.143.463
Cộng	<u>89.637.018.922</u>	<u>86.517.820.406</u>

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Giảm do hoãn vốn công ty con</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.690.612.684	13.217.775.963	(15.917.401.555)	(2.232.104.939)	1.758.912.153
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.386.849.867	(1.386.849.867)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	11.126.160.224	2.228.429.762	(8.931.781.130)	(2.846.461.605)	1.576.347.251
Thuế thu nhập cá nhân	573.744.290	1.083.654.865	(946.772.246)	(111.733.146)	598.903.763
Phí môi trường	1.944.968.651	230.556.332	(25.389.000)	(2.140.135.983)	-
Thuế tài nguyên	3.061.400.929	570.967.956	(240.313.670)	(3.392.055.215)	-
Thu trên vốn	12.098.259	-	-	(12.098.259)	-
Quyền khai thác	-	387.023.266	-	(387.023.266)	-
Các loại thuế khác	23.028.423	598.021.491	(598.021.491)	(23.028.423)	-
Cộng	<u>23.432.043.460</u>	<u>19.693.289.502</u>	<u>(28.046.528.959)</u>	<u>(11.144.640.836)</u>	<u>3.934.163.167</u>

(6) Các khoản nộp thừa của Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu là 39.842.923 VND (số đầu năm là 53.730.539 VND) được trình bày ở chỉ tiêu thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thi công công trình cho các dự án ODA	Không chịu thuế
- Sản phẩm bê tông, đá	10%
- Các công trình xây dựng	10%
- Dịch vụ vận chuyển	10%
- Hàng hóa khác	05% - 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 18/7, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (cùng kỳ năm trước là 25%)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần bê tông 6	2.213.972.852	8.025.452.004
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	-	90.914.900
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	268.909	19.897.771
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	14.188.001	-
Cộng	<u>2.228.429.762</u>	<u>8.136.265.575</u>

Thuế nhà thầu

Áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính đối với dịch vụ tư vấn.

Tiền thuê đất

Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico – Công ty còn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 100.477,3 m² đất đang sử dụng với mức 331 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 2001/HĐTD ngày 26 tháng 9 năm 2006; diện tích 151.199,4 m² với mức 180 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 1972/HĐTD ngày 16 tháng 11 năm 2007 và diện tích 167.163,0 m² với mức 950,4 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 65/HĐTD ngày 04 tháng 4 năm 2011.

Tiền thuê đất của các công ty khác trong Tập đoàn được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế và phí khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả cho người lao động.

27. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi trả chậm	10.602.730.042	10.602.730.042
Chi phí công trình	16.822.570.953	27.494.978.052
Chi phí vận chuyển	1.154.545.454	-
Chi phí lãi vay	149.519.603	-
Chi phí phải trả khác	629.307.030	719.056.786
Cộng	<u>29.358.673.082</u>	<u>38.816.764.880</u>

28. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp kinh phí công đoàn	2.288.979.631	1.945.024.344
Cổ tức phải trả	272.532.512	19.897.661.312
Mượn tiền	-	670.000.000
Tạm nhập kho nguyên vật liệu	8.408.131.468	1.220.417.009
Phải trả tiền ứng thanh lý công ty Liên kết	4.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	2.817.344.656	4.035.892.237
Cộng	<u>17.786.988.267</u>	<u>27.768.994.902</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Giảm khác	Chi quỹ trong năm	Giảm do thoái vốn Công ty con	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	4.265.783.781	3.353.921	-	(2.911.786.077)	71.708.833	1.429.060.455
Quỹ phúc lợi	3.174.435.030	-	-	(2.643.566.500)	-	530.868.530
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.946.651.416	-	-	(281.527.216)	(220.000.000)	2.445.124.200
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	848.224.201	-	(96.957.252)	-	-	751.266.949
Cộng	11.235.094.428	3.353.921	(96.957.252)	(5.836.879.793)	(148.291.170)	5.156.320.134

30. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH Indovina ^(a)	831.644.115	2.010.408.072
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	-	2.885.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ^(b)	235.000.000	680.200.000
Cộng	1.066.644.115	5.575.608.072

^(a) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng vay số 149/1210/MTLc/1027616 ngày 07 tháng 12 năm 2010 để mua mới 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270, lãi suất 11,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính 05 chiếc xe trộn bê tông Hyundai HD270.

^(b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để mua máy móc thiết bị với lãi suất 12,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 03 chiếc xe cần cẩu bánh xích đã qua sử dụng.

Năm hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.058.157.652	3.859.002.312
Trên 01 năm đến 05 năm	1.066.644.115	5.575.608.072
Tổng nợ	3.124.801.767	9.434.610.384

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Năm này	Năm trước
Số đầu năm	5.575.608.072	8.495.900.000
Số tiền vay phát sinh	485.883.420	4.879.155.580
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(2.109.847.377)	(2.225.734.000)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(5.528.307.312)
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.885.000.000)	(45.406.196)
Số cuối năm	1.066.644.115	5.575.608.072

98
G'
H'
VA
3
P1'

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**31. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	329.935.500.000	67.795.977.543	343.940.060	50.688.571.510	448.763.989.113
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.119.787.596	10.119.787.596
Trích lập các quỹ trong năm	-	4.685.520.513	-	(7.303.557.037)	(2.618.036.524)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(16.496.775.000)	(16.496.775.000)
Tặng, giảm khác	-	(90.559.094)	(52.351.833)	1.675.525.320	1.532.614.393
Số dư cuối năm trước	329.935.500.000	72.390.938.962	291.588.227	38.683.552.389	441.301.579.578
Số dư đầu năm nay	329.935.500.000	72.390.938.962	291.588.227	38.683.552.389	441.301.579.578
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	49.913.406.874	49.913.406.874
Trích lập các quỹ trong năm	-	553.101.504	-	(553.101.504)	-
Hủy thanh toán cổ tức năm trước	-	-	-	16.496.775.000	16.496.775.000
Số dư cuối năm nay	329.935.500.000	72.944.040.466	291.588.227	104.540.632.759	507.711.761.452

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần Beton 6 đã hủy chia cổ tức năm trước với số tiền là 16.496.775.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2014.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	32.993.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	31.970.483.575	44.604.777.792
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(1.766.514.424)	(3.424.829.609)
Tặng do góp vốn trong năm	-	5.000.000.000
Giảm do chia cổ tức	-	(23.000.000)
Giảm do thoái vốn công ty con	(31.676.305.437)	(12.653.850.215)
Tặng (giảm) khác	-	(1.532.614.393)
Số cuối năm	(1.472.336.286)	31.970.483.575

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây dựng	273.840.395.683	569.490.288.157
Doanh thu sản phẩm bê tông	420.980.759.375	449.725.710.071
Doanh thu khác	85.049.247.989	54.434.604.070
Cộng	<u>779.870.403.047</u>	<u>1.073.650.602.298</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động xây dựng	235.307.233.723	489.581.001.638
Giá vốn của sản phẩm bê tông	358.291.204.854	377.587.053.384
Giá vốn khác	85.483.740.328	59.122.401.592
Cộng	<u>679.082.178.905</u>	<u>926.290.456.614</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	166.431.872	275.321.021
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	134.759.334	78.262.638
Cổ tức, lợi nhuận được chia	41.938.400	2.828.385.475
Lãi cho vay	6.485.928.333	6.185.928.333
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	8.866.210.210	467.816.240
Lãi do thoái vốn của Công ty con	15.630.457.801	-
Lãi thanh lý công ty liên doanh, liên kết	686.892.049	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.870.197	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	208.828	5.116.892
Cộng	<u>32.015.697.024</u>	<u>10.140.830.599</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	60.489.090.635	73.556.633.308
Lãi trả chậm thanh toán	2.759.634.139	1.233.980.515
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	176.261.499	227.684.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	589.149
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(8.957.579.412)	(2.719.636.213)
Lỗ thanh lý công ty liên doanh, liên kết	-	4.788.255.216
Cộng	<u>54.467.406.861</u>	<u>77.087.506.333</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	3.614.770.641	2.938.518.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	50.977.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.835.433	3.165.529.082
Chi phí khác	675.189.946	575.788.879
Cộng	<u>4.547.796.020</u>	<u>6.730.813.899</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.183.047.354	4.346.764.843
Chi phí nhân công	21.675.913.990	26.776.856.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	384.823.239	2.321.299.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.901.918.399	1.479.136.355
Chi phí dự phòng	(469.006.812)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	2.483.416.050	3.438.252.672
Chi phí khác	22.495.758.721	29.172.024.605
Cộng	<u>50.655.870.941</u>	<u>67.534.334.343</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	797.772.727	2.573.027.273
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	484.174.374
Thu nhập từ chi phí lãi vay không phải trả cổ đông	-	499.061.925
Bất lợi thương mại của khoản đầu tư vào Công ty liên kết	29.251.802.875	-
Thu nhập do hoàn nhập chi phí xây nghiên cứu không phải trả nhà cung cấp	-	1.008.287.320
Thu nhập do giảm chi phí khấu hao quyền sử dụng đất lâu dài	-	541.666.684
Chiết khấu	3.155.519.000	7.312.232.250
Các khoản thu nhập khác	716.292.711	960.343.737
Cộng	<u>33.921.387.313</u>	<u>13.378.793.563</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	172.531.213	2.100.754.716
Truy thu và phạt thuế	501.400.000	-
Điều chỉnh giảm doanh thu theo Biên bản thanh lý	6.219.301.975	-
Chi phí Tổng B cầu Rạch Miễu	-	1.622.143.799
Chi phí điều chỉnh giảm Ban điều hành	264.370.820	-
Chi phí điều chỉnh giảm đơn giá cọc	603.551.782	-
Các khoản chi phí khác	431.484.996	1.263.013.914
Cộng	<u>8.192.640.786</u>	<u>4.985.912.429</u>

9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	(56.476.288)	25.939.642
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	(304.461.626)	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	1.825.685.593	(1.251.333.096)
Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung	38.223.121	-
Cộng	<u>1.502.970.800</u>	<u>(1.225.393.454)</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	49.913.406.874	10.119.787.596
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	49.913.406.874	10.119.787.596
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.993.550	32.993.550
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.513	307

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	362.913.540.993	530.027.863.731
Chi phí nhân công	88.945.139.088	127.564.020.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.399.762.845	26.839.474.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.687.491.280	30.925.656.675
Chi phí khác	182.034.710.063	207.077.738.946
Cộng	662.980.644.269	922.434.754.742

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết góp vốn**

Công ty cổ phần bê tông 6 tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bestcon. Tại ngày kết thúc năm kế toán, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào công ty này là 10.300.000.000 VND (xem thuyết minh số V.15).

2. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Chuyển nhượng vốn	6.200.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan là 6.200.000.000 VND.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	4.513.209.565	3.689.146.821
Thù lao được hưởng	132.000.000	438.000.000
Tiền thưởng	356.307.800	353.446.172
Cộng	5.001.517.365	4.480.592.993

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bắc Tru	Công ty liên kết
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Bê tông 6 Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	Công ty liên kết
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	Công ty con của Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk	Công ty liên kết
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH một thành viên	Cổ đông chiếm 5,93% vốn điều lệ của Công ty
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH quản lý đầu tư Kusto	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Mascon	Cổ đông nắm giữ 18,90% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt	Cổ đông nắm giữ 7,89% vốn điều lệ của Công ty
Công ty cổ phần đầu tư VBA	Công ty có quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Vinafeo	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Tri Việt Hội An	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới		
Cổ tức	-	437.500.000
Bán sản phẩm và nguyên vật liệu	-	2.413.742.400
Thi công công trình	-	167.442.624
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp		
Góp vốn	50.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ xây dựng	643.776.044	104.810.000
Vay tiền	3.500.000.000	-
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai		
Góp vốn	75.918.720.000	-
Thoái vốn	31.700.000.000	-
Mua nguyên vật liệu	45.379.077.015	-
Chuyển nhượng tài sản	100.000.000	-

94
 ON
 VHI
 JAH
 1 8
 1 1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH một thành viên		
Phí tổng thầu	-	1.808.981.679
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An		
Thi công công trình	27.760.672.405	6.801.308.196
Cung cấp dịch vụ xây dựng	194.507.925	138.934.232
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam		
Thi công công trình	3.882.586.000	2.013.344.200
Công ty TNHH Mascon		
Mua nguyên vật liệu	26.350.851.115	-
Công ty cổ phần đầu tư VBA		
Chuyển nhượng vốn	31.700.000.000	-
Giao dịch với các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới		
Bán sản phẩm bê tông	-	877.360.800
Cổ tức được chia	3.372.463.505	3.437.500.000
Phải thu lại khoản tạm ứng thi công cầu Mỹ Lợi	-	1.242.933.138
Thu hồi vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Bình Minh	-	1.833.596.864
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre		
Bán sản phẩm Bê tông	1.531.194.602	1.531.194.602
Vay hộ	2.109.460.846	2.109.460.846
Cổ tức phải thu	87.043.333	87.043.333
Cho mượn	100.000.000	100.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi		
Cho mượn tiền	20.000.000	20.000.000
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico		
Cho mượn	3.022.408.000	3.022.408.000
Cổ tức phải thu	4.742.575.200	4.742.575.200
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam		
Cho mượn tiền	125.656.693	125.656.693
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH một thành viên		
Thi công công trình	690.817.879	690.817.879

BẢNG
 TÀI
 CHÍNH
 HỢP NHẤT
 C
 HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An</i> Thi công công trình	-	1.763.477.491
<i>Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam</i> Thi công công trình	271.781.200	2.013.344.200
<i>Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB</i> Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	9.612.873.160	9.612.873.160
<i>Công ty TNHH Mascon</i> Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	25.650.036.182	5.338.566.914
<i>Công ty cổ phần đầu tư VBA</i> Phái thu chuyển nhượng vốn	48.800.000.000	17.100.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>100.136.310.600</u>	<u>55.648.809.120</u>
<i>Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới</i> Thi công công trình	-	23.566.497
<i>Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp</i> Thi công công trình	115.200.002	3.924.139.307
Phải trả tiền vay	3.500.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai</i> Mua nguyên vật liệu	31.417.464.597	8.413.092.908
<i>Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH một thành viên</i> Phi tổng thầu	11.313.500	11.313.500
<i>Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An</i> Ứng trước thi công công trình	2.059.909.009	32.596.648.654
<i>Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam</i> Mượn tiền	-	260.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>37.103.887.108</u>	<u>45.228.760.866</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất bê tông các loại như: cọc ống, cọc vuông, dầm, ván ép.
- Lĩnh vực khác: Bán vật tư, dịch vụ lao phồng và vận chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm từ trang 54 đến trang 56.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Năm trước Công ty cổ phần Bestcon ghi nhận thiếu một số chi phí liên quan đến các khoản phải trả cho người lao động và các chi phí quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty cũng chưa điều chỉnh các tài sản cố định không thỏa điều kiện ghi nhận sang chi phí trả trước theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

	Số liệu theo Báo cáo tài chính			Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
	Mã số	năm trước	Các điều chỉnh		
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	588.992.212	(428.271.713)	160.720.499	(i)
Nguyên giá	222	253.521.349.345	(181.318.034)	253.340.031.311	(ii)
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(188.100.600.165)	29.301.110	(188.071.299.055)	(ii)
Chi phí trả trước dài hạn	261	141.781.255.093	(413.774.935)	141.367.480.158	(iii)
Phải trả người bán	312	283.684.688.496	90.389.781	283.775.078.277	(iv)
Người mua trả tiền trước	313	86.656.754.638	(138.934.232)	86.517.820.406	(v)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23.342.534.656	143.239.343	23.485.773.999	(vi)
Phải trả người lao động	315	15.256.184.574	45.607.949	15.301.792.523	(iii)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	27.630.060.670	138.934.232	27.768.994.902	(v)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	39.625.794.866	(942.242.477)	38.683.552.389	
Lợi ích cổ đông thiểu số	439	32.301.541.743	(331.058.168)	31.970.483.575	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	66.261.033.698	1.273.300.645	67.534.334.343	(vii)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(3.093.771.441)	(331.058.168)	(3.424.829.609)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	335	(28)	307	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Lợi nhuận trước thuế	01	14.589.110.033	(1.273.300.645)	13.315.809.388	(vii)
Khấu hao tài sản cố định	02	26.868.775.986	(29.301.110)	26.839.474.876	(ii)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(103.261.662.106)	279.237.073	(102.982.425.033)	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.608.776.991	1.023.364.682	3.632.141.673	

(i) Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh các tài sản cố định không thỏa điều kiện ghi nhận theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC

Ghi nhận bổ sung chi phí lương của năm 2013

Cộng

152.016.924

(580.288.637)

(428.271.713)

(ii) Giám đo điều chỉnh nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản không thỏa điều kiện ghi nhận theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC với số tiền lần lượt là 181.318.034 VND và 29.301.110 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Che năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(iii)	Giám đo chuyển chi phí lương của năm 2013 vào chi phí.	
(iv)	Tăng do ghi nhận bổ sung các khoản phải trả liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2013.	
(v)	Tăng do điều chỉnh phân loại khoản doanh thu chưa thực hiện trong kỳ từ chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước" sang chỉ tiêu "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".	
(vi)	Tăng do ghi nhận bổ sung thuế thu nhập cá nhân phải nộp.	
(vii)	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Ghi nhận bổ sung chi phí lương của năm 2013	1.039.671.521
	Ghi nhận bổ sung thuế thu nhập cá nhân phải nộp	143.239.343
	Ghi nhận bổ sung chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2013	90.389.781
	Cộng	1.273.300.645

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Đối với hoạt động bán thành phẩm và thương mại: bắt buộc khách hàng ứng trước 30% giá trị khi ký kết hợp đồng kinh tế và thanh toán 70% giá trị trước khi giao hàng cho các khách hàng mới; các khách hàng truyền thống sẽ thanh toán sau khi giao hàng.

Đối với hoạt động xây dựng: Chủ đầu tư thường ứng trước tiền khi thi công từng giai đoạn và Tập đoàn ghi nhận phải thu xây dựng đối với phần chênh lệch giữa giá trị khối lượng quyết toán từng giai đoạn và khoản ứng trước tiền thi công.

Các công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi và nhờ bộ phận pháp lý của Tập đoàn can thiệp khi cần thiết. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khách hàng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho Công ty TNHH một thành viên 3D – Long Hậu vay tiền. Hiện tại, Tập đoàn đang bao tiêu toàn bộ sản phẩm của Công ty TNHH một thành viên 3D – Long Hậu và đang xem xét phương án để xử lý khoản nợ này.

Mức độ rủi ro tín dụng lõi đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.134.686.960	-	-	34.134.686.960
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	572.524.960.134	4.759.100.401	25.240.605.966	602.524.666.501
Các khoản cho vay	53.309.000.000	-	-	53.309.000.000
Các khoản phải thu khác	161.275.323.316	242.129.936	2.492.160.872	164.009.614.124
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.160.000.000	-	9.496.510.000	24.656.510.000
Cộng	839.403.970.410	5.001.230.337	37.229.276.838	881.634.477.585
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.340.692.105	-	-	27.340.692.105
Phải thu khách hàng	596.161.137.952	3.053.682.805	27.343.013.512	626.557.834.269
Các khoản cho vay	53.309.000.000	-	-	53.309.000.000
Các khoản phải thu khác	99.481.042.932	17.318.650.000	2.766.458.988	119.566.151.920
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.160.000.000	-	38.870.478.268	61.030.478.268
Cộng	798.451.872.989	20.372.332.805	68.979.950.768	887.804.156.562

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn dưới 06 tháng	3.000.000.000	-
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	882.870.860	17.653.816.706
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	242.129.936	818.360.076
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	-	1.006.371.731
Quá hạn trên 03 năm	876.229.541	893.784.292
Cộng	5.001.230.337	20.372.332.805

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	685.416.053.504	1.201.363.045	686.617.416.549
Phải trả người bán	306.287.734.904	-	306.287.734.904
Các khoản phải trả khác	36.914.964.649	-	36.914.964.649
Cộng	1.028.618.753.057	1.201.363.045	1.029.820.116.102
Số đầu năm			
Vay và nợ	654.713.638.460	6.161.807.473	660.875.445.933
Phải trả người bán	283.684.688.496	-	283.684.688.496
Các khoản phải trả khác	61.261.972.341	-	61.261.972.341
Cộng	999.660.299.297	6.161.807.473	1.005.822.106.770

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng là có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có năm hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và năm hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm (VND)</u>	<u>Số đầu năm (VND)</u>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-
Các khoản cho vay	53.309.000.000	53.309.000.000
Vay và nợ	(655.956.682.456)	(635.898.278.916)
Tài sản/ (Nợ phải trả) thuần	(599.647.682.456)	(582.589.278.916)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 9.354.503.846 VND (năm trước giảm/tăng 8.738.839.184 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông 6 đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác là tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 24.214.208.654 VND và 4.604.747.421 VND (xem thuyết minh V.1 và V.2).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.134.686.960	-	27.340.692.105	-	34.134.686.960	27.340.692.105
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	602.524.566.501	(24.451.355.966)	626.557.834.269	(25.337.322.628)	578.073.310.535	601.220.511.641
Các khoản cho vay	53.309.000.000	-	53.309.000.000	-	53.309.000.000	53.309.000.000
Các khoản phải thu khác	164.009.614.124	(2.492.160.872)	119.566.151.920	(2.492.160.872)	161.517.453.252	117.073.991.048
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.656.510.000	(3.600.439.923)	61.030.478.268	(12.558.019.335)	21.056.070.077	48.472.458.933
Cộng	881.634.477.585	(30.543.956.761)	887.804.156.562	(40.387.502.835)	851.090.520.824	847.416.653.727

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	659.756.682.456	635.898.278.916	659.756.682.456	635.898.278.916
Phải trả người bán	306.287.734.904	283.684.688.496	306.287.734.904	283.684.688.496
Các khoản phải trả khác	36.914.964.649	61.261.972.341	36.914.964.649	61.261.972.341
Cộng	1.002.959.382.009	980.844.939.753	1.002.959.382.009	980.844.939.753

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có năm hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.


Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.


7. Thông tin khác

Theo Hợp đồng thuê đất số 20/2010/HĐTD-LHC-MAR ngày 22 tháng 12 năm 2010, Công ty cổ phần beton 6 đã thuê 03 lô đất trong Khu công nghiệp Long Hậu với tổng diện tích là 66.177 m² và tổng giá trị phải thanh toán theo Hợp đồng là 141.949.665.000 VND. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty cổ phần beton 6 đã thanh toán được 45.496.097.567 VND. Do nhu cầu sản xuất kinh doanh thực tế bị thu hẹp ở Khu Công nghiệp Long Hậu nên Công ty cổ phần beton 6 dự kiến sẽ trả lại một diện tích đất đã thuê (lô C01) và điều chỉnh lại kế hoạch thanh toán nhưng đến nay vẫn chưa đạt được thỏa thuận với Công ty cổ phần Long Hậu.

Hiện tại, Tập đoàn chưa xem xét ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm liên quan đến tiền thuê đất phải trả cho Công ty cổ phần Long Hậu với số tiền khoảng 2.439.295.123 VND vào Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu


Hồ Thị Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, thị xã DT An, tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Chi tiết giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết

	Đơn vị tính: VND						
Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Tăng do chuyển từ công ty con	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Giá trị phần chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Lãi/(Lỗ) thanh lý	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thiệu	15.910.543.988	-	(56.476.288)	-	-	-	15.854.067.700
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bền Trẻ (*)	815.200.000	-	-	-	-	-	815.200.000
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thiệu (*)	300.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương (Nany*)	3.400.000.000	-	-	-	-	-	3.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang (*)	1.000.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk (*)	6.620.000.000	-	-	-	-	-	6.620.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	960.351.974	-	1.825.685.593	-	-	-	2.786.037.567
Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung	5.474.884.830	50.000.000.000	38.223.121	(6.200.000.000)	29.251.802.875	686.892.049	79.251.802.875
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	-	44.218.720.000	(304.461.626)	-	-	-	43.914.258.374
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	34.480.980.792	94.218.720.000	1.502.970.800	(6.200.000.000)	29.251.802.875	686.892.049	153.941.366.516

(*) Các khoản đầu tư vào các công ty này đã lập dự phòng 100% giá trị đầu tư (xem thuyết minh V.17)



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Người lập biểu



Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
ĐÀO CAO TÀI CỤNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Đơn vị tính: VND				
	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	273.840.395.683	420.980.759.375	85.049.247.989	-	779.870.403.047
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	273.840.395.683	420.980.759.375	85.049.247.989		779.870.403.047
Chi phí bộ phận					
Sết qua kinh doanh theo bộ phận	235.307.233.723	362.594.666.350	85.728.074.852	-	683.629.974.925
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	38.533.161.960	58.386.093.025	(678.826.863)	-	56.240.428.122
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(50.655.870.941)
Doanh thu loại đồng lãi chiết					45.584.557.181
Chi phí tài chính					32.015.697.024
Thu nhập khác					(54.467.406.861)
Chi phí khác					33.921.387.313
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			1.502.970.800		(8.192.640.786)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			1.502.970.800		1.502.970.800
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.228.429.762)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.757.541
					48.146.892.459
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	6.919.190.000	747.842.484	-	7.667.032.484
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.953.051.106	11.940.010.103	6.770.317.072	-	22.663.378.281
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	402.149.860	(469.006.812)	-	-	(66.856.952)

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước						
Danh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	569.490.288.157	449.725.710.071	54.434.604.070	-	-	1.073.650.602.298
Danh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	21.281.032.723	-	6.089.993.257	(27.371.025.980)	(27.371.025.980)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	590.771.320.880	449.725.710.071	60.524.597.327			1.073.650.602.298
Chi phí bộ phận	489.581.001.638	381.135.530.606	62.304.738.269	(27.371.025.980)	(27.371.025.980)	905.650.244.533
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	101.190.319.242	68.590.179.465	(1.780.140.942)	(27.371.025.980)	(27.371.025.980)	140.625.351.785
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(67.534.334.343)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						73.094.997.442
Danh thu hoạt động tài chính						10.140.830.599
Chi phí tài chính						(77.087.506.333)
Thu nhập khác						13.378.793.563
Chi phí khác						(4.985.912.429)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						(1.225.393.454)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(8.136.265.575)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						1.515.414.174
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(1.225.393.454)			6.694.957.987
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		13.103.721.064	4.220.073.212			17.523.794.276
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.118.067.814	10.917.579.687	14.489.774.362			31.525.361.863
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	891.927.894	42.652.820	1.419.443.986			2.354.024.700



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Người lập biểu



Hồ Thị Ngọc Tuyền
 Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Dũng, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Ngọc Dũng
 Tổng Giám đốc

10/3/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND


Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	560.866.336.936	465.339.598.840	86.968.279.259	1.113.174.215.035
Tài sản phân bổ cho bộ phận	9.823.555.682	21.197.875.223	15.135.559.432	46.157.000.337
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				465.986.690.725
Tổng tài sản				1.625.317.906.097
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	102.540.307.734	120.376.299.637	9.006.212.954	231.922.820.325
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				887.155.660.605
Tổng nợ phải trả				1.119.078.480.931
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	577.341.730.984	457.478.638.631	193.680.580.018	1.228.500.949.633
Tài sản phân bổ cho bộ phận	21.113.957.683	36.496.951.530	7.657.823.043	65.268.732.256
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				302.301.979.595
Tổng tài sản				1.596.071.661.484
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	106.310.410.914	129.307.524.972	44.720.944.524	280.338.880.410
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				842.460.717.921
Tổng nợ phải trả				1.122.799.598.331


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Người lập biểu


 Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015


 Nguyễn Ngọc Dũng
 Tổng Giám đốc



